

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỆT 19/5 HÀ NỘI

PHƯƠNG ÁN
SẢN XUẤT KINH DOANH
SAU 3 NĂM CỔ PHẦN HÓA

HÀ NỘI, THÁNG 9/2015

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỆT 19/5 HÀ NỘI

PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH
03 SAU NĂM CỔ PHẦN HÓA (2016-2018)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	Trang 03
PHẦN THỨ NHẤT	Trang 05
TÌNH HÌNH CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA	Trang 05
1. Một số thông tin chung về Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội	Trang 05
2. Sơ đồ tổ chức quản lý của Công ty	Trang 06
3. Cơ cấu và trình độ lao động của Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp: (30/9/2015)	Trang 07
4. Vốn kinh doanh tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (30/6/2015)	Trang 07
5. Tình hình tài sản, sử dụng đất	Trang 08
5.1. Tình hình sử dụng đất	Trang 08
5.2. Tình hình tài sản Công ty đang sử dụng	Trang 09
5.3. Tình hình nhà cửa, vật kiến trúc	Trang 09
5.4. Tình hình phương tiện vận tải, truyền dẫn	Trang 11
5.5. Tình hình máy móc, thiết bị	Trang 11
6. Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội	Trang 14
6.1. Giá trị sản phẩm, dịch vụ chính qua các năm:	Trang 14
6.2. Kết quả kinh doanh của Công ty trong 03 năm gần đây:	Trang 14
6.3. Những yếu tố ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội	Trang 15
6.3.1. Theo hướng tích cực:	Trang 15
6.3.2. Theo hướng tiêu cực:	Trang 15
7. Những tồn tại và khó khăn của doanh nghiệp:	Trang 15
PHẦN THỨ HAI	Trang 17
PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 3 NĂM SAU CỔ PHẦN HÓA (2016-2018)	Trang 17
1. Thông tin cơ bản về doanh nghiệp sau cổ phần hóa	Trang 17
2. Định hướng chiến lược sau khi cổ phần hóa	Trang 22
3. Ngành nghề kinh doanh sau khi cổ phần hóa	Trang 22
4. Vốn điều lệ:	Trang 23
5. Phương án sắp xếp lại doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa	Trang 24
5.1. Mô hình tổ chức của Công ty sau khi cổ phần hóa:	Trang 24
5.2. Các phòng ban và nhiệm vụ của các phòng ban chuyên	Trang 24

môn:	
5.1.1. Phòng Tài vụ	Trang 24
5.1.2. Phòng Tổ chức- Hành chính	Trang 25
5.1.3. Phòng Kỹ thuật- Chất lượng	Trang 25
5.1.4. Phòng Kinh doanh	Trang 27
5.1.5. Phòng Đầu tư	
5.1.6. Nhà máy Dệt Hà Nam	Trang 27
5.1.7. Nhà máy Dệt Hà Nội	Trang 27
5.1.8. Nhà máy sợi Hà Nam	Trang 28
5.1.9. Bộ phận kinh doanh khác	
5.3. Kế hoạch tổ chức nhân sự và tiền lương:	Trang 28
5.3.1. Định hướng	Trang 28
5.3.2. Về lao động	Trang 29
5.3.3. Về chính sách tiền lương	Trang 30
6. Kế hoạch đầu tư nhằm cân đối và phát huy tối đa năng lực sản xuất hiện có giai đoạn 2016-2018	Trang 30
7. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần hóa:	Trang 31
8. Kế hoạch sử dụng đất sau khi cổ phần hóa:	Trang 31
9. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty sau khi cổ phần hóa	Trang 32
9.1. Phát triển nguồn nhân lực	Trang 32
9.2. Nâng cao năng lực quản lý	Trang 32
9.2.1 Công tác quản trị và điều hành	Trang 33
9.2.2 Giải pháp phát triển thị trường, phát triển thương hiệu	Trang 33
9.2.3 Giải pháp về văn hoá và chính sách nhân viên	Trang 34
9.3. Nâng cao năng lực tài chính:	Trang 34
PHẦN THỨ BA	Trang 35
TỔ CHỨC THỰC HIỆN	Trang 35

LỜI MỞ ĐẦU

Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội là doanh nghiệp Nhà nước thành lập từ năm 1959 trực thuộc Sở Công nghiệp Hà Nội và tiền thân là một cơ sở được hợp nhất từ một số cơ sở lấy tên là Xí nghiệp 19/5. Cho đến nay, Công ty đã trải qua hơn 50 năm tồn tại và phát triển cùng với những thay đổi không ngừng về mọi mặt của đất nước.

Năm 1973, Công ty được Thành phố công nhận là Xí nghiệp quốc doanh và đổi thành Nhà máy Dệt 8/5.

Năm 1993, theo Quyết định số 2555/QĐ-UB ngày 08/7/1993 của UBND Thành phố Hà Nội, Nhà máy Dệt 19/5 Hà Nội được đổi tên thành Công ty Dệt 19/5 Hà Nội thuộc Sở Công nghiệp Hà Nội gồm các địa điểm: Phân xưởng sản xuất sợi, may, thêu - Địa chỉ: 203 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội. Phân xưởng sản xuất vải - Địa chỉ: 89 Lĩnh Nam, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Khi mới thành lập, Công ty chuyên sản xuất vải bạt phục vụ cho ngành bảo hộ lao động, da giày,... Thời gian đó máy móc thiết bị của Công ty chủ yếu là lạc hậu, được sáp nhập của các cơ sở sản xuất tư nhân trong thời kỳ cải tạo công thương nghiệp.

Từ năm 1995, Công ty đã thay đổi dần từng bước về chất, tập trung đầu tư vào việc nâng cấp máy móc thiết bị từ các nước xã hội chủ nghĩa để sản xuất ra vải bạt phục vụ cho ngành da giày trong khuôn khổ hội đồng tương trợ kinh tế.

Nhờ nỗ lực trên Công ty Dệt 19/5 Hà Nội đã có một vị thế trong ngành công nghiệp của Thủ đô chuyên cung cấp sản phẩm vải, sợi của mình cho ngành dệt may, da giày, và sản phẩm may mặc cho xuất khẩu - thị trường chủ yếu của xuất khẩu là thị trường Mỹ và EU.

Năm 2005, thực hiện theo Quyết định chuyển đổi số 132/2005/QĐ-UB ngày 22/8/2005 của UBND Thành phố Hà Nội, Công ty Dệt 19/5 Hà Nội được chuyển đổi thành Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội và được Phòng ĐKKD- Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000226 ngày 12/9/2005.

Ngày 17/6/2011, UBND Thành phố Hà Nội có Quyết định số 2755/QĐ-UBND về việc đổi tên và điều chỉnh cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội thành Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 25/12/2013.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bông, vải, sợi, hàng may mặc và hàng thêu các loại; Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, siêu thị, kho bãi và điểm đỗ.

Công ty có đội ngũ cán bộ, công nhân viên có năng lực chuyên môn, có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động chính và ngày càng tăng trưởng, có uy tín trên thị trường.

Năm 2015, thực hiện chủ trương và kế hoạch chung của UBND Thành phố Hà Nội, Công ty chuẩn bị các thủ tục theo quy định để chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội thành Công ty cổ phần trên cơ sở các căn cứ sau:

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và Nghị định 89/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần hóa.

- Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần

- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.

- Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 18/3/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành các quy trình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội;

- Công văn số 2252/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội giai đoạn 2012-2015;

- Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30/12/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội năm 2014;

- Quyết định 8033/QĐ- UBND ngày 31/12/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội giai đoạn 2013-2015;

- Quyết định số 4786/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội;

- Quyết định số 5640/QĐ-STC-BCĐ ngày 24/9/2014 của Sở Tài chính Hà Nội – Ban Chỉ đạo CPHDN về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội.

PHẦN THỨ NHẤT

TÌNH HÌNH CHUNG CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỆT 19/5 HÀ NỘI TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Một số thông tin chung về Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội:

Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND Thành phố Hà Nội, có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần đầu ngày 12/9/2005 và cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 25/12/2013.

Tên tiếng Việt: Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 203 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Tài khoản số : 102 01 0000 238 586 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam- Chi nhánh Sông Nhuệ

Mã số doanh nghiệp: 0100100495

Điện thoại: 043. 8584551

Fax: 043 8585392

Địa chỉ chi nhánh: Khu Công nghiệp Đồng Văn, xã Duy Minh, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ văn phòng đại diện: Số 371 Hàn Thuyên, phường Trần Tế Xương, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

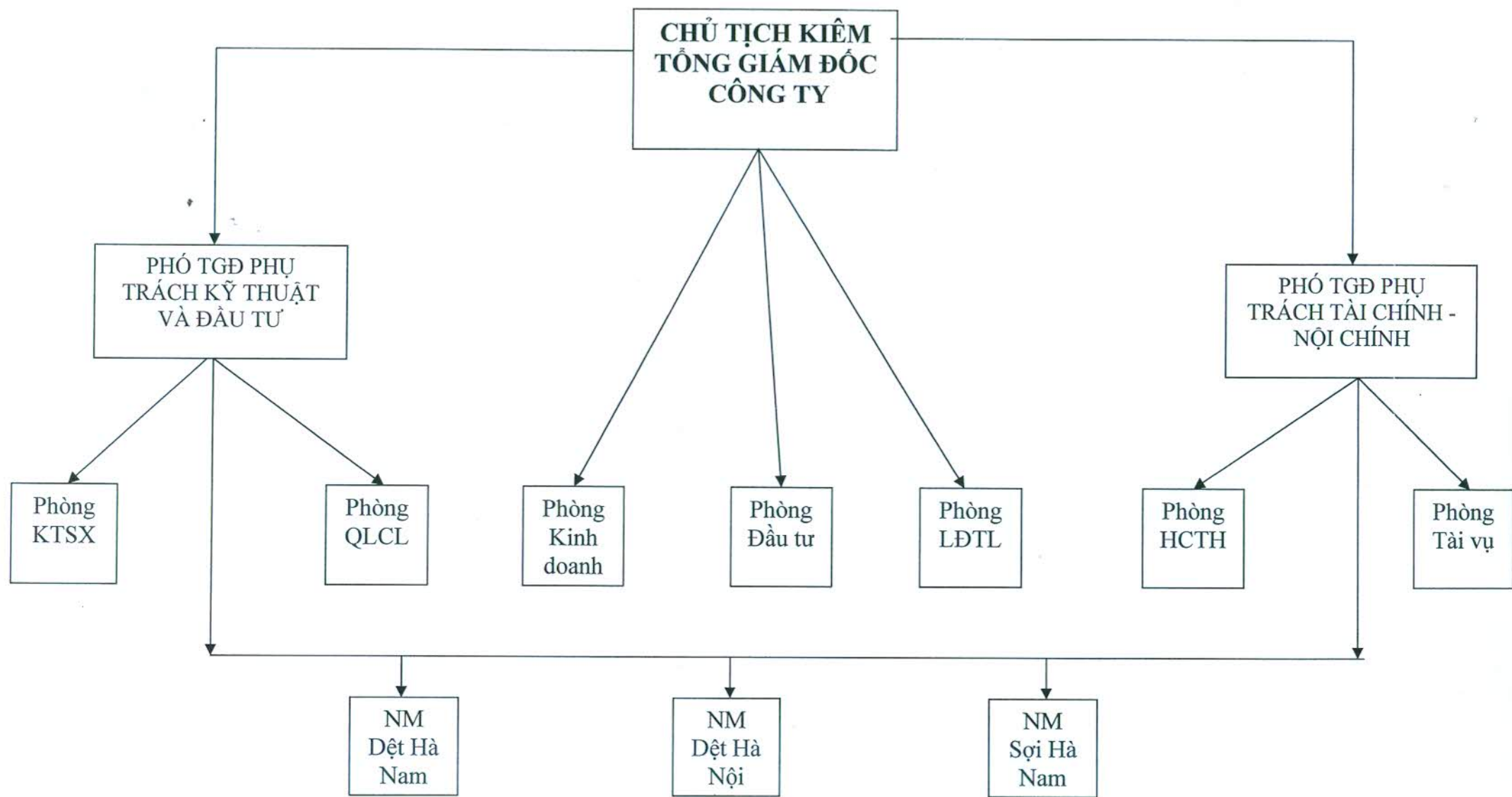
Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bông, vải, sợi, hàng dệt, may mặc; kinh doanh bất động sản; v.v ... có thương hiệu Hatexco uy tín hơn 50 năm trên thị trường nội địa và xuất khẩu.

Thị trường kinh doanh chủ yếu là xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan, Nhật Bản chiếm khoảng 30% doanh thu, phần còn lại tiêu thụ tại thị trường nội địa phục vụ các nhà máy sản xuất giày vải xuất khẩu; sản xuất chăn, ga, gối, đệm; sản xuất vải phục vụ quốc phòng và phục vụ dân sinh.

Hiện tại, Công ty có 03 nhà máy sản xuất chính, 07 phòng chức năng phục vụ trực tiếp sản xuất của nhà máy.

2. Sơ đồ tổ chức quản lý của Công ty trước khi cổ phần hóa:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HIỆN TẠI CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỆT 19/5 HÀ NỘI



* 03 Công ty Liên doanh:

- Công ty TNHH Tập đoàn sản xuất hàng dệt, may 19/5 Hà Nội.
- Công ty Liên doanh Norfolk Hatexco.
- Công ty Liên doanh 20 tháng Một Lào

* 02 Công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần HBI.
- Công ty Cổ phần Dệt Minh Khai

3. Cơ cấu và trình độ lao động của Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp: (dự kiến 30/9/2015).

Tổng số lao động có tên trong danh sách lao động thường xuyên tại thời điểm xác định và công bố giá trị doanh nghiệp (dự kiến ngày 30/9/2015) là: 340 người.

Phân loại lao động của Công ty theo bảng sau:

Bảng số 1: Phân loại lao động Nhà máy

TT	Nội dung	Tổng số
I	Phân tích theo tính chất hợp đồng	340
	* Trong đó:	
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	04
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	104
3	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	202
4	Lao động làm việc theo HĐLĐ dưới 12 tháng	30
II	Phân loại theo trình độ lao động	
1	Trên Đại học	03
2	Đại học, Cao đẳng	30
3	Trung cấp, Sơ cấp	10
4	Công nhân kỹ thuật	190
5	Lao động phổ thông	88
6	Bảo vệ	17
7	Lái xe	02
III	Phân theo giới tính lao động	
1	Lao động Nam	128
2	Lao động Nữ	212

(Nguồn: theo Biên bản thẩm định thời gian công tác của Sở LĐTBXH Hà Nội và liên ngành)

4. Vốn kinh doanh tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (30/6/2015):

- Tổng nguồn vốn: 1.139.884.005.961 đồng.

* Trong đó:

a, Phân theo cơ cấu tài sản:

- TSCĐ và Đầu tư dài hạn: 226.311.307.922 đồng.

- TSLĐ và Đầu tư ngắn hạn: 913.572.698.039 đồng.

b, Phân theo cơ cấu nguồn vốn:

- Nợ phải trả: 805.967.610.172 đồng.

- Nợ phải thu: 347.769.347.585 đồng.

c, Vốn sở hữu nhà nước: 267.399.420.265 đồng.

(Nguồn: theo Biên bản thẩm định giá trị doanh nghiệp của Sở Tài chính Hà Nội và liên ngành)

5. Tình hình tài sản, sử dụng đất:

5.1. Tình hình sử dụng đất:

Hiện nay, Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội đang sử dụng 03 địa chỉ đất với thông tin chi tiết như sau:

Bảng số 2: Bảng kê đất đai doanh nghiệp đang sử dụng

TT	Vị trí	Diện tích (m ²)	Thời gian sử dụng		Hình thức sử dụng	Mục đích sử dụng	Hồ sơ pháp lý
			Bắt đầu	Kết thúc			
1	Số 89 Lĩnh Nam, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội	8.415,7	19/6/2002	18/6/2022	Thuê đất trả tiền hàng năm	Cơ sở sản xuất, kinh doanh	Quyết định số 521/QĐ - UBND ngày 28/01/1993 của UBND Thành phố Hà Nội và Hợp đồng thuê đất số 02-245.02/ĐC - ND- HĐĐĐ ngày 19/6/2002
2	Thôn Văn, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội	14.512,7					
2.1	Thửa thứ nhất	12.756,7	15/10/1966	31/12/2029	Thuê đất trả tiền hàng năm	Cơ sở sản xuất, kinh doanh	Quyết định số 4129/QĐ-UBND ngày 06/9/2011 của UBND thành phố Hà Nội và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 666151 do Sở TN&MT Hà Nội cấp ngày 10/12/2012
2.2	Thửa thứ hai	1.756,4 (Khi làm sắp xếp 09 ước tính là	1966			Nằm trong quy hoạch mở đường	Quyết định 3595/QĐ-UBND ngày 21/7/2010 của UBND Thành phố Hà Nội về

		1.317)					việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà đất thuộc sở hữu nhà nước của Công ty và Bản chỉ giới đường đỏ số 161 của Viện Quy hoạch Xây dựng Hà Nội lập ngày 17/02/2011
3	Khu Công nghiệp Đồng Văn, xã Duy Minh, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	60.759	10/12/2004	10/12/2054	Thuê đất trả tiền hàng năm	Cơ sở sản xuất, kinh doanh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 579598 do UBND Tỉnh Hà Nam cấp ngày 12/9/2005 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB229056 do Sở TN&MT Tỉnh Hà Nam cấp ngày 20/5/2010

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội)

5.2. Tình hình tài sản Công ty đang sử dụng:

Bảng số 3: Tình hình tài sản cố định hữu hình tại thời điểm 30/6/2015

TT	Loại tài sản	Giá trị sổ sách		
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	2	3	4	(5)=(3)-(4)
A	TSCĐ ĐANG DÙNG	260.339.095.749	131.611.051.661	128.728.044.088
1	Nhà, vật kiến trúc	67.917.310.503	13.290.682.852	54.626.627.651
2	Máy móc thiết bị	191.036.906.155	117.868.433.808	73.168.472.347
3	Phương tiện vận tải	1.384.879.091	451.935.001	932.944.090
4	Dụng cụ quản lý	0	0	0
B	TSCĐ KHÔNG CẦN DÙNG	0	0	0
C	TSCĐ CHỜ THANH LÝ	0	0	0
D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI	0	0	0
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D)	260.339.095.749	131.611.051.661	128.728.044.088

(Nguồn: theo Biên bản thẩm định giá trị doanh nghiệp của Sở Tài chính Hà Nội và liên ngành)

5.3. Tình hình nhà cửa, vật kiến trúc:

Bảng số 4: Tình hình nhà cửa, vật kiến trúc tại thời điểm 30/6/2015

STT	Tên tài sản	ĐVT	Khối lượng	Năm sử dụng	Giá trị sổ kế toán		
					Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	2	3	4	5	7	8	(9)=(7)-(8)
I	Khu công nghiệp Đồng Văn 1, xã Duy Minh, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam				62.500.642.572	11.479.126.782	51.021.515.790
1	Nhà xưởng dệt Hà Nam	m ²	2.647,95	2005	4.172.388.090	840.936.526	3.331.451.564
2	Trạm bơm, cấp nước, cấp điện nhà thường trực, chờ điện				173.502.398	66.816.234	106.686.164
3	Cổng, tường rào, nhà thường trực khu A+B Đồng Văn	Hm	1	2006	1.481.353.411	1.007.294.832	474.058.579
4	Hạ tầng khu công nghiệp Đồng Văn Hà Nam (giai đoạn 1)	Hm	1	2006	6.712.434.046	2.938.890.993	3.773.543.053
5	Nhà vệ sinh xưởng dệt - Đồng Văn	m ²	51,68	2006	128.987.865	44.374.504	84.613.361
6	Son tường, tôn trực B, hệ thống cấp nước cứu hoả - Đồng Văn	Hm	1	2006	130.013.392	47.888.954	82.124.438
7	Nhà xưởng dệt (giai đoạn 2) - đợt 1	m ²	5.109,21	2006	4.895.365.072	859.455.549	4.035.909.523
8	Nhà xưởng dệt (giai đoạn 2) - đợt 2+3+4 (Trong xưởng dệt giai đoạn 2 - đợt 4 đã có nhà lò hơi - trạm bơm nước khu B và bể nước khu B)	Hm	1	2007	2.095.805.811	323.848.173	1.771.957.638
9	Nhà điều không nhà máy dệt Hà Nam	m ²	169,52	2007	369.793.913	57.196.344	312.597.569
10	Hạ tầng khu công nghiệp Đồng Văn Hà Nam (giai đoạn 2)	Hm	1	2007	1.106.878.996	171.312.078	935.566.918
11	Trạm khai thác và xử lý nước ngầm - Hà Nam	Hm	1	2007	354.545.910	183.182.100	171.363.810
12	Nhà làm việc 1 tầng số 2 - khu công nghiệp Đồng Văn	m ²	272,13	2008	307.318.618	92.195.550	215.123.068
13	Nhà kho sợi 1 tầng Hà Nam	m ²	2.763,43	2008	4.433.804.505	647.708.456	3.786.096.049
14	Nhà máy kéo sợi (giai đoạn 1)	m ²	7.816,73	2008	22.188.098.782	2.921.433.035	19.266.665.747
15	Nhà điều hành nhà máy kéo sợi	m ²	1.237,2	2009	4.641.794.847	513.667.663	4.128.127.184
16	Nhà ăn giữa ca khu công nghiệp Đồng Văn Hà Nam	m ²	764	2010	3.064.336.514	261.388.396	2.802.948.118
17	Nhà đặt máy hấp sợi - nhà máy sợi Hà Nam	m ²	96,04	2010	297.451.473	128.714.222	168.737.251
18	Nhà cầu khu công nghiệp Đồng Văn Hà Nam	m ²	1.370,28	2010	1.774.926.081	156.785.130	1.618.140.951
19	Hạ tầng kỹ thuật (giai đoạn 3) khu công nghiệp Đồng Văn	Hm	1	2011	3.636.638.049	214.254.027	3.422.384.022
20	Công trình vệt dốc Hà Nam	m ²	36,23	2015	535.204.799	1.784.016	533.420.783
II	Số 89 Lĩnh Nam, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội				5.416.667.931	1.811.556.070	3.605.111.861
1	Nhà khung kho Mai Động	m ²			2.198.049.324	1.230.683.880	967.365.444

2	Cổng, tường rào Mai Động	m ²	121,73	1976	137.230.788	29.104.640	108.126.148
3	Nhà văn phòng Mai Động	m ²	128,1	1976	215.076.976	44.941.644	170.135.332
4	Sân, đường, hè nội bộ Mai Động	m ²	1.675,09	1976	284.205.254	60.004.204	224.201.050
5	Nhà kho 89 Lĩnh Nam	m ²	598,92	2010	2.582.105.589	446.821.702	2.135.283.887
	Tổng cộng				67.917.310.503	13.290.682.852	54.626.627.651

(Nguồn: theo Biên bản thẩm định giá trị doanh nghiệp của Sở Tài chính Hà Nội và liên ngành)

5.4. Tình hình phương tiện vận tải, truyền dẫn:

Bảng số 5: Tình hình phương tiện vận tải tại thời điểm 30/6/2015

TT	Tên tài sản	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Số lượng	Vị trí	ĐVT	Giá trị sổ sách		
							Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	2	3	5	6			7	8	(9)=(7)-(8)
1	Xe ô tô Nissan Grand Livina	Nhật Bản	2011	02	Thành phố	Cái	1.384.879.091	451.935.001	932.944.090
	Tổng cộng						1.384.879.091	451.935.001	932.944.090

(Nguồn: theo Biên bản thẩm định giá trị doanh nghiệp của Sở Tài chính Hà Nội và liên ngành)

5.5. Tình hình máy móc, thiết bị:

Bảng số 6: Tình hình máy móc, thiết bị tại thời điểm 30/6/2015

TT	Tên tài sản	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Số lượng	Đơn vị tính	Giá trị sổ kế toán		
						Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	(9)=(7)-(8)
1	Máy kiểm tra vải tự dịch biên	Việt Nam	2005	1	Cái	70.750.000	62.158.490	8.591.510
2	Xe nâng hạ trục vải CH-300	Trung Quốc	2005	1	Cái	39.487.475	34.661.815	4.825.660
3	Xe nâng hạ trục sợi CH-107	Trung Quốc	2005	1	Cái	113.501.281	99.640.765	13.860.516
4	Giá khâu sợi	Trung Quốc	2005	3	Cái	187.563.125	148.019.477	39.543.648
5	Máy kiểm tra vải tự dịch biên	Việt Nam	2005	2	Cái	141.500.000	110.841.230	30.658.770
6	Máy dệt Picanol Gamax 4-R190	Bỉ	2005	16	Cái	15.307.539.250	12.209.038.678	3.098.500.572
7	Máy dệt Picanol Gamax 4-R300	Bỉ	2005	4	Cái	4.586.880.466	3.740.511.065	846.369.401
8	Máy hấp sợi Super cube "Nova" 18-18-27	Đức	2009	1	Cái	1.906.500.586	1.047.658.648	858.841.938
9	Máy nâng khung gỗ	Trung Quốc	2006	1	Cái	104.986.200	78.156.415	26.829.785
10	Máy kiểm vải MB 551 FB	Trung Quốc	2006	1	Cái	132.631.400	97.263.035	35.368.365
11	Máy dệt Picanol Gammax 4-R-300cm	Bỉ	2006	4	Cái	4.920.224.380	3.802.989.970	1.117.234.410
12	Máy nối sợi	Đức	2007	1	Cái	499.186.935	330.018.036	169.168.899

13	Hệ thống ĐHKK trung tâm và điều không xưởng dệt Hà Nam	Mỹ + Việt Nam	2007	1	HT	2.298.675.821	2.033.233.476	265.442.345
14	Hệ thống nồi hơi đốt than 3000kg/h	Việt Nam	2007	1	HT	542.857.143	352.857.164	189.999.979
15	Máy dệt Picanol Gamax 4-R190	Bỉ	2007	8	Cái	8.338.749.336	6.144.471.765	2.194.277.571
16	Máy hút bụi JYQJ-105 mô tơ 1.5kw	Trung Quốc	2007	12	Cái	405.319.902	372.990.824	32.329.078
17	Máy hút bụi trung tâm	Trung Quốc	2007	1	Cái	31.310.749	28.813.347	2.497.402
18	Máy mắc BEN-DIRECT-1000-1800	Thụy Sĩ	2007	1	Cái	4.313.305.168	2.979.685.542	1.333.619.626
19	Máy hồ BEN-SIZETEC SWA ZB16 TKD TKD CT4/4/4BB	Thụy Sĩ	2007	1	Cái	10.057.861.483	6.881.732.928	3.176.128.555
20	Máy nén khí AtlasCopco	Ý	2008	1	Bộ	423.240.703	334.057.857	89.182.846
21	Máy se FA721-100A	Trung Quốc	2008	2	Cái	654.952.280	396.610.016	258.342.264
22	Máy sợi con FA528	Trung Quốc	2008	22	Cái	13.322.544.538	7.887.786.702	5.434.757.836
23	Máy làm sạch trục nhung	Ấn Độ	2008	1	Cái	26.027.352	18.374.062	7.653.290
24	Máy thô FA 415A	Trung Quốc	2008	5	Cái	4.491.158.627	2.544.989.885	1.946.168.742
25	Máy ghép FA 306A	Trung Quốc	2008	2	Cái	1.972.865.197	1.117.956.924	854.908.273
26	Hệ thống tái chế phế liệu SFU101	Trung Quốc	2008	1	HT	1.016.267.989	575.885.189	440.382.800
27	Máy sấy 8 giờ Y802N	Trung Quốc	2008	1	Cái	43.358.282	28.544.201	14.814.081
28	Máy đo chiều dài sợi YG086	Trung Quốc	2008	1	Cái	43.358.281	28.544.201	14.814.080
29	Máy đo chiều dài cúi YG114	Trung Quốc	2008	1	Cái	43.358.281	28.544.201	14.814.080
30	Máy cân điện tử JA2003N	Trung Quốc	2008	1	Cái	43.358.281	28.544.201	14.814.080
31	Máy đo độ sãn Y331A1	Trung Quốc	2008	1	Cái	43.358.281	28.544.201	14.814.080
32	Máy xử lý suốt JF75	Trung Quốc	2008	1	Cái	61.689.331	40.612.162	21.077.169
33	Máy mài kim trục gai BM	Trung Quốc	2008	1	Cái	61.689.332	40.612.162	21.077.170
34	Máy ép kim mũi BGB	Trung Quốc	2008	1	Cái	61.689.332	40.612.162	21.077.170
35	Máy tờ kim DLA	Trung Quốc	2008	1	Cái	61.689.332	40.612.162	21.077.170
36	Máy chải TC03 Truetzchler	Đức	2008	2	Cái	5.054.010.281	3.063.939.147	1.990.071.134
37	Hệ thống điều không AESA	Việt Nam	2008	1	HT	8.093.611.256	4.986.379.691	3.107.231.565
38	Máy thí nghiệm Uster Tester UTRa/1500 N/DT	Thụy Sĩ	2008	1	Cái	2.637.977.018	1.736.668.218	901.308.800
39	Máy thí nghiệm Uster Tester5-S400-SA/CS/FM	Thụy Sĩ	2008	1	Cái	2.638.339.156	1.736.906.640	901.432.516
40	Thiết bị bộ kẹp băng vải 1500N (theo máy TN)	Thụy Sĩ	2008	1	Cái	87.326.143	57.489.722	29.836.421
41	Máy TN AFIS PRO2-NC-L&M	Thụy Sĩ	2008	1	Cái	2.547.012.506	1.676.783.216	870.229.290

42	Máy OE BD380	Cộng hòa Séc	2008	2	Cái	8.414.021.019	5.167.945.245	3.246.075.774
43	Máy đánh ống tự động AU338 YM800i	Đức	2008	2	Cái	8.200.117.627	5.043.884.312	3.156.233.315
44	Máy đánh ống tự động Au 338 YM900i	Đức	2008	1	Cái	4.244.584.485	2.603.364.546	1.641.219.939
45	Hệ thống thiết bị gian cung bông Truetzchler	Đức	2008	1	HT	10.041.306.177	6.088.173.487	3.953.132.690
46	Máy chải TC-03 Truetzchler	Đức	2008	4	Cái	9.608.517.756	5.842.926.727	3.765.591.029
47	Máy ghép TD-03 truetzchler	Đức	2008	4	Cái	4.409.438.502	2.697.731.798	1.711.706.704
48	Hệ thống máy lạnh	Mỹ	2008	1	HT	1.772.946.915	1.004.669.928	768.276.987
49	Máy đầu FA702	Trung Quốc	2009	1	Cái	424.660.000	244.179.477	180.480.523
50	Máy OE BD380	Trung Quốc	2009	1	Cái	3.819.582.889	2.164.430.276	1.655.152.613
51	Máy dệt kiểm mềm Optimax 4R-190	Bỉ	2009	5	Cái	6.782.986.826	3.674.117.850	3.108.868.976
52	Máy dệt kiểm mềm Optimax 4R-190	Bỉ	2009	7	Cái	9.500.333.007	5.146.013.730	4.354.319.277
53	Máy dệt kiểm mềm Optimax 4R-190	Bỉ	2009	4	Cái	5.859.089.125	3.173.673.295	2.685.415.830
54	Máy nén khí AtlasCopco	Ý	2009	1	Bộ	182.071.680	82.799.264	99.272.416
55	Máy kiểm vải tự định biên CKM01-08DB-02	Việt Nam	2010	1	Cái	98.000.000	42.466.669	55.533.331
56	Máy chải năng suất TC7 Truetzchler	Đức	2011	1	Cái	2.552.157.415	893.255.076	1.658.902.339
57	Máy lọc xơ ngoại lai SP FPU	Đức	2011	1	Cái	1.917.806.376	671.232.240	1.246.574.136
58	Máy đánh ống nối vê tự động X5	Đức	2011	1	Cái	4.936.337.540	1.727.718.132	3.208.619.408
59	Máy dệt OPTIMAX-2-P230	Bỉ	2012	2	Cái	3.803.838.688	1.299.644.896	2.504.193.792
60	Máy ống tự động Autoconer 338 Type RM	Đức	2007	1	Cái	3.580.596.165	2.387.064.093	1.193.532.072
61	Máy bọc màng co nhiệt	TQ	2015	1	cái	133.343.919	-	133.343.919
62	Máy đo độ đều sợi YG136	TQ	2015	1	cái	500.000.000	-	500.000.000
63	Trạm biến áp Hà Nam số 1	Việt Nam	2005	1	HT	889.481.044	169.001.352	720.479.692
64	Buồng hút hơi máy hồ, sàn nấu hồ, trục palăng	Việt Nam	2007	1	Bộ	170.000.000	52.700.031	117.299.969
65	Đường ống dẫn hơi cấp cho máy hồ	Việt Nam	2007	1	HT	137.142.857	137.142.857	-
66	Trạm biến áp Hà Nam 750 KVA 35/04KV (Sợi)	Việt Nam	2008	1	HT	950.768.953	417.281.950	533.487.003
67	Trạm biến áp Mai Động	Việt Nam	2004	1	HT	680.064.711	143.276.985	536.787.726
	Tổng cộng					191.036.906.155	117.868.433.808	73.168.472.347

(Nguồn: theo Biên bản thẩm định giá trị doanh nghiệp của Sở Tài chính Hà Nội và liên ngành)

6. Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội:

6.1. Giá trị sản phẩm, dịch vụ chính qua các năm:

Trong những năm qua, doanh thu của Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội tới từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Công ty tiêu thụ các sản phẩm bông, vải, sợi, quần áo, các loại vải đặc biệt, nguyên nhiên vật liệu...và kinh doanh khác.

Bảng số 7: Cơ cấu doanh thu thực hiện 2012- 2015

Tiêu chí	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị (Tr.đồng)	% /2011	Giá trị (Tr.đồng)	% /2012	Giá trị (Tr.đồng)	% /2013	Giá trị (Tr.đồng)	% /2014
Tổng doanh thu thuần	260.652		337.680	129	305.579	90	492.697	161
* Trong đó:								
- Doanh thu XK	66.676		63.120	95	54.184	85,8	81.650	150
- Doanh thu nội địa	193.976		274.560	141	251.395	91,5	411.047	163

(Nguồn: theo Biên bản thẩm định giá trị doanh nghiệp của Sở Tài chính Hà Nội và liên ngành)

6.2. Kết quả kinh doanh của Công ty trong các năm gần đây:

Bảng số 8: Một số chỉ tiêu tài chính năm 2012- 2015

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

TT	Chi tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Giá trị	% 2011	Giá trị	% 2012	Giá trị	% 2013	Giá trị	% 2014
1	Tổng doanh thu	260.652		337.680	129	305.579	90	492.697	161
	* Trong đó:								
	- Doanh thu XK	66.676		63.120	95	54.184	85,8	81.650	150
	- Doanh thu nội địa	193.976		274.560	141	251.395	91,5	411.047	163
2	Sản phẩm cơ bản								
2.1	Vải	93.615		106.156	113	113.406	106	135.290	119
2.2	Sợi	45.651		81.113	177	37.814	46	128.192	339
2.3	Khăn	67.660		76.556	113	87.245	113	66.940	76
3	Lợi nhuận thuần trước thuế	(53.014)		754		4.686	621	8.000	170
4	Tỷ suất lợi nhuận thuần/vốn chủ sở hữu	(48,5)		0,69		3,76	544	3,38	89
5	Thu nhập BQ người lao động (triệu đồng/tháng)	3,5		4	114	4,2	105	4,5	125
6	Số lao động			450		500		340	

(Nguồn: theo Biên bản thẩm định giá trị doanh nghiệp của Sở Tài chính Hà Nội và liên ngành)

Qua các chỉ tiêu nêu trên có thể thấy, trong giai đoạn 2012-2015, doanh thu xuất khẩu giảm sút từ 2012-2014 do khách hàng nước ngoài giảm nhu cầu nhập khẩu. Đến năm 2015, thị trường xuất khẩu sợi khởi sắc tạo cơ hội cho tổng doanh thu tăng, trong đó đặc biệt tăng là doanh thu xuất khẩu sợi. Từ đầu năm 2015, doanh thu xuất khẩu khăn có giảm do cổ phần hóa Nhà máy Dệt Minh Khai thành Công ty Cổ phần Dệt Minh Khai nên giảm chỉ tiêu của nhà máy này.

Thu nhập bình quân của người lao động tăng đều qua các năm, đặc biệt là năm 2015 do yếu tố đầu ra ổn định, nguồn vốn kinh doanh đảm bảo từ việc di dời thành công cơ sở sản xuất tại 203 Nguyễn Huy Tưởng.

Lợi nhuận trước thuế năm 2012 bị âm do rất nhiều yếu tố bất lợi tác động vào cùng một thời điểm, đặc biệt là việc nhận sáp nhập Công ty Dệt Minh Khai đang bị thua lỗ trầm trọng nên phải tập trung khôi phục sản xuất, giải quyết chế độ cho người lao động tại doanh nghiệp này lên đến hàng trăm tỷ đồng. Bên cạnh đó, trong thời gian này, thị trường xuất khẩu giảm sút nghiêm trọng, chi phí đầu vào, cơ bản là giá bông nguyên liệu tăng đột biến đã khiến doanh nghiệp lâm vào tình trạng sản xuất kinh doanh đình đốn, thu nhập giảm sút mạnh. Một yếu tố nữa không kém phần quan trọng khiến lợi nhuận trước thuế của năm 2012 sụt giảm mạnh là việc đầu tư cơ sở mới tại Hà Nam lên đến hàng trăm tỷ đồng bằng nguồn vốn vay ngân hàng với lãi suất cao (có rất nhiều thời điểm lên đến hơn 20%) trong khi nguồn vốn di dời từ cơ sở sản xuất cũ tại 203 Nguyễn Huy Tưởng chưa về kịp khiến doanh nghiệp điều đứng trong rất nhiều năm.

6.3. Những yếu tố ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội:

6.3.1. Theo hướng tích cực:

- Ban Giám đốc Công ty và bộ phận quản lý, nhà máy năng động, đoàn kết nhất trí cao trong việc định hướng và tổ chức thực hiện sản xuất kinh doanh.

- Kinh nghiệm và trình độ kỹ thuật cao của nhà máy góp phần không nhỏ trong việc khẳng định vị thế sản phẩm của nhà máy, từ đó hỗ trợ tích cực cho việc phát triển thị trường và nâng cao năng lực sản xuất của Công ty.

- Công ty bảo đảm việc làm cũng như thu nhập ổn định cùng với việc đảm bảo các chế độ cho người lao động đã có tác dụng tích cực đối với sự phát triển bền vững của Công ty.

- Việc duy trì hệ thống quản lý gọn nhẹ, khoa học và hiệu quả cùng với các quy định, chế độ thưởng phạt nghiêm minh, đúng lúc, đúng chỗ thúc đẩy CB- CNV nỗ lực thực hiện nhiệm vụ, gắn bó với công việc.

- Hoạt động thường xuyên, liên tục của tổ chức Đảng, Công đoàn Công ty đã gắn kết các hoạt động sản xuất kinh doanh với quyền lợi người lao động, góp

phần nâng cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm của tập thể CB- CNV Công ty tạo hiệu quả trong công việc.

6.3.2. Theo hướng tiêu cực:

- Sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt trong lĩnh vực dệt, may, da giày khiến chi phí tăng cao, thị trường giảm sút, mất dần tính độc quyền về sản phẩm dẫn đến lợi nhuận trên một đơn vị sản phẩm ngày càng giảm.

- Năng suất sản xuất hàng hóa giảm theo thời gian sử dụng thiết bị, đòi hỏi phải đổi mới sản phẩm, đổi mới thiết bị và công nghệ dẫn đến việc cần phải đầu tư lớn trong khi nền kinh tế thế giới nói chung và trong nước nói riêng mới vừa thoát khỏi giai đoạn khủng hoảng.

7. Những tồn tại và khó khăn của doanh nghiệp:

- Giá vật tư, nguyên, nhiên vật liệu tăng cao trong khi giá bán sản phẩm khó tăng làm giảm sức cạnh tranh của sản phẩm ảnh hưởng tới hiệu quả sản xuất, kinh doanh của Công ty.

- Thị trường luôn biến động với sự cạnh tranh cao khiến sản phẩm của Công ty không ngừng phải đổi mới, hạ giá thành sản phẩm trong khi chi phí ngày càng tăng làm thu hẹp thị trường tiêu thụ và giảm doanh thu của Công ty.

- Lực lượng lao động ở nhà máy tại Hà Nam đa số còn trẻ, thiếu kinh nghiệm khiến năng suất lao động chưa cao và lao động biến động thường xuyên phát sinh nhu cầu thay thế là tất yếu trong thời gian tới.

- Vị trí sản xuất của nhà máy tại Hà Nội đặt tại vị trí không thuận lợi cho sản xuất công nghiệp đặt ra yêu cầu cần phải có kế hoạch tích lũy tài chính và đầu tư rất lớn khi di dời cơ sở sản xuất cho phù hợp quy hoạch.

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 3 NĂM SAU CỔ PHẦN HÓA (2016-2018)

1. Thông tin cơ bản về doanh nghiệp sau cổ phần hóa:

- Tên Công ty cổ phần: Công ty Cổ phần Dệt 19/5 Hà Nội
- Tên giao dịch quốc tế: Hanoi May 19th Textile Joint Stock Company.
- Tên viết tắt: Hatexco. JSC.
- Trụ sở chính: 203 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Tài khoản giao dịch số: 102 01 0000 238 586 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam-Chi nhánh Sông Nhuệ.
- Điện thoại: 043 8584551
- Fax: 043 8585392
- Website:
- Email:
- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sợi;	1311
2	Sản xuất vải dệt thoi;	1312
3	Hoàn thiện sản phẩm dệt;	1313
4	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; - Sản xuất và gia công các sản phẩm vải len như: + Vải nhung và vải bông; + Lưới và đồ trang trí cửa sổ, vải đan trên máy Raschel và các máy tương tự; + Các loại vải bằng đan móc khác. - Sản xuất sản phẩm giả da lông thú từ việc may đan.	1321
5	Sản xuất, gia công hàng may sẵn;	1322
6	Sản xuất thảm, chăn, đệm;	1323
7	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu; - Sản xuất các sản phẩm tấm dệt khổ hẹp, bao gồm các tấm dệt sợi ngang không có sợi dọc được ghép với nhau thông qua chất kết dính; - Sản xuất đồ tĩa trang trí: vải viền, quả tua, - Sản xuất nỉ;	1329

	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất màn tuyn và các màn bằng vải khác, sản xuất viền đăng ten cuộn, đăng ten mảnh, dải hoặc mẫu ten rời để trang trí; - Sản xuất các loại vải được tráng hoặc xử lý khác nhau như: quần áo đi săn, vải buồm, lều bạt, vải dùng cho họa sĩ, vải thô và các loại vải hồ cứng... - Sản xuất vải quần áo dễ co giãn; 	
8	Máy trang phục;	1410
9	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc;	1430
10	Sản xuất giày dép;	1520
11	Sản xuất sợi nhân tạo;	2030
12	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;	4641
13	<p>Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt trong các cửa hàng chuyên doanh;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán lẻ vải trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh; 	4751
14	<p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn hóa chất (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp). 	4669
15	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng gia và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;	4771
16	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;	4659
17	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da;	9523
18	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú;	9620
19	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;	6810
20	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;	4651
21	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
22	Xây dựng nhà các loại;	4100
23	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;	4210

24	Xây dựng công trình công ích;	4220
25	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: + Các nhà máy lọc dầu; + Các xưởng hóa chất; - Xây dựng công trình cửa như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên không, các cảng du lịch, cửa cống; + Đập và đê; - Xây dựng đường hầm;	4290
26	Phá dỡ;	4311
27	Chuẩn bị mặt bằng;	4312
28	Lắp đặt hệ thống điện;	4321
29	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng và điều hòa không khí;	3530
30	Sửa chữa máy móc, thiết bị;	3312
31	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;	3313
32	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;	3320
33	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;	4322
34	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: + Thang máy, cầu thang tự động; + Các loại cửa tự động; + Hệ thống đèn chiếu sáng; + Hệ thống hút bụi; + Hệ thống âm thanh; + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;	4329
35	Hoàn thiện công trình xây dựng;	4330
36	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bề bơi ngoài trời;	4390

	- Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển;	
37	Cho thuê xe có động cơ;	7710
38	Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: - Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng; - Cho thuê máy móc thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính);	7730
39	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính (trừ bản quyền, như sách hoặc phần mềm);	7740
40	Đại lý, môi giới; đấu giá;	4610
41	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);	4931
42	Vận tải hành khách đường bộ khác; - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;	4932
43	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;	4933
44	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;	5210
45	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
46	Bốc xếp hàng hóa;	5224
47	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;	5229
48	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;	7810
49	Cung ứng và quản lý nguồn lao động: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước.	7830
50	Giáo dục nghề nghiệp;	8532
51	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: - Khách sạn; - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;	5510
52	Cơ sở lưu trú khác; - Ký túc xá học sinh, sinh viên; - Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm;	5590
53	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;	5610

54	Cung cấp dịch vụ phục vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...)	5621
55	Dịch vụ ăn uống khác; - Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể;	5629
56	Dịch vụ phục vụ đồ uống;	5630
57	Vệ sinh chung nhà cửa;	8121
58	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác; - Vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác; - Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, lò thiêu, nồi đất, ống thông gió, các bộ phận của ống	8129
59	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
60	Đại lý du lịch;	7911
61	Điều hành tua du lịch;	7912
62	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.	7920
63	Hoạt động của các cơ sở thể thao;	9311
64	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;	9312
65	Hoạt động thể thao khác; - Hoạt động của các khu săn bắt và câu cá thể thao; - Hoạt động hỗ trợ cho câu cá và săn bán mang tính thể thao hoặc giải trí;	9319
66	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề;	9321
67	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu; - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khóa, ghế tựa... - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Hoạt động hội trợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên.	9329

2. Định hướng chiến lược sau khi cổ phần hóa:

Sau khi cổ phần hoá Công ty sẽ chuyển sang hoạt động theo mô hình mới, mở rộng lĩnh vực hoạt động và đối tượng khách hàng, phát huy hết tiềm năng và thế mạnh của Công ty. Người lao động có cơ hội làm chủ doanh nghiệp, quyền lợi và trách nhiệm của cổ đông và người lao động trong toàn Công ty gắn liền với lợi ích và sự phát triển của doanh nghiệp. Đây thực sự là cơ hội để phát huy nội lực và tính tự chủ của doanh nghiệp trong điều hành sản xuất kinh doanh, phát huy quyền làm chủ của người lao động tham gia vào quá trình điều hành, kiểm soát hoạt động của doanh nghiệp;

Một số mục tiêu cơ bản về định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Dệt 19/5 Hà Nội như sau:

- Mục tiêu thị trường: Giữ vững và phát triển thị trường nội địa và quốc tế, mở rộng kênh bán lẻ sản phẩm giúp ổn định quá trình sản xuất.

- Mục tiêu lợi nhuận: Thực hiện cải tiến hệ thống tổ chức, quản lý, đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao lợi nhuận, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng đều hàng năm.

- Đảm bảo ổn định đời sống, thu nhập cho cán bộ, người lao động của Công ty.

- Đảm bảo thực hiện tốt các nghĩa vụ với Nhà nước.

3. Ngành nghề kinh doanh sau khi cổ phần hóa:

Trong thời gian khoảng 3-5 năm sau khi cổ phần hóa, từ điều kiện thực tế về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, ngành nghề chính và nhân lực cũng như những thế mạnh hiện có như:

- Tiền thân của Công ty Cổ phần Dệt 19/5 Hà Nội là Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội có bề dày kinh nghiệm hơn 50 năm trong sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bông, vải, sợi, hàng may mặc,...

- Thương hiệu Hatexco đã có uy tín trên thị trường nội địa và xuất khẩu.

- Công ty có đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân viên có năng lực chuyên môn, có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Từ đó công ty xác định tập trung vào 02 lĩnh vực chủ yếu như sau:

3.1. Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng truyền thống, chủ yếu của Công ty là các sản phẩm bông, vải, sợi, hàng may mặc và các loại vải có yêu cầu đặc biệt khác:

- Sản lượng sản xuất của công ty duy trì trong khoảng:

+ Vải: 6.000.000 mét/năm.

+ Sợi: 6.000 tấn/năm.

+ Sản phẩm may mặc (quần áo): 500.000 bộ/năm.

- Doanh thu sau 3 năm cổ phần đạt 600 tỷ đồng/năm.
- Thị trường tiêu thụ sản phẩm chính gồm:
 - + Nội địa: 400 tỷ đồng/năm.
 - + Nước ngoài: 200 tỷ đồng/năm.

3.2. Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng khác mà luật cho phép (theo ngành nghề kinh doanh đăng ký):

Công ty chủ động mở rộng ngành nghề sản xuất kinh doanh theo hướng phát triển chiều sâu của ngành nghề chính và mở ra các hướng kinh doanh khác mà pháp luật cho phép để đảm bảo sự phát triển đa dạng và phát triển lâu dài của công ty.

4. Vốn điều lệ:

Trên cơ sở kết quả xác định giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp tại thời điểm 30/6/2015 là 267.399.420.265 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi bảy tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi nghìn, hai trăm sáu mươi lăm đồng*).

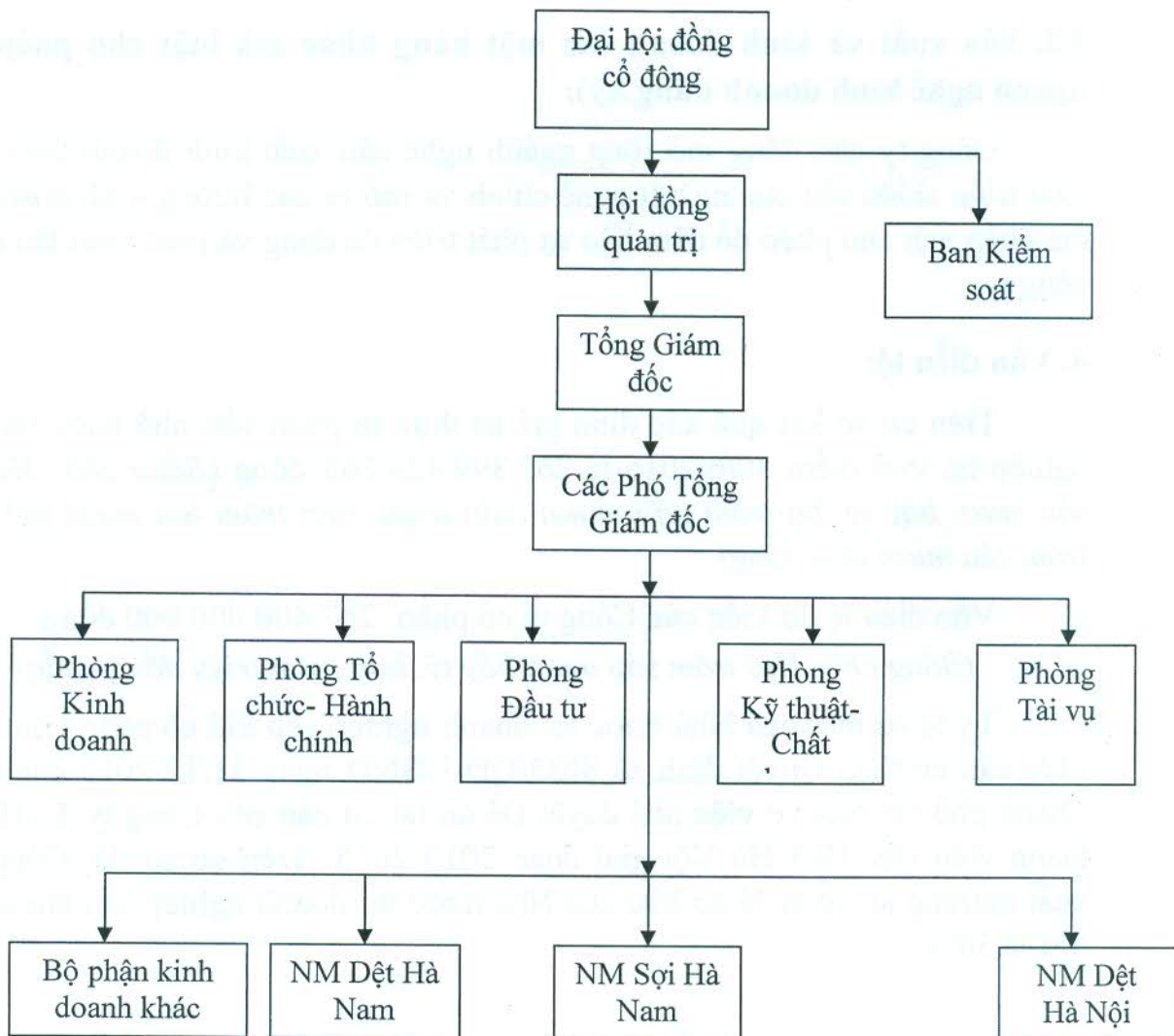
Vốn điều lệ dự kiến của Công ty cổ phần: 267.400.000.000 đồng.

(*Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi bảy tỷ, bốn trăm triệu đồng chẵn*)

Tỷ lệ sở hữu của Nhà nước tại doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa là dưới 51% căn cứ theo Quyết định số 8033/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu của Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội giai đoạn 2013-2015. Trên cơ sở đó, Công ty đề xuất phương án về tỷ lệ sở hữu của Nhà nước tại doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa là 30%.

5. Phương án sắp xếp lại doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa

5.1. Mô hình tổ chức của Công ty cổ phần:



* 01 Công ty liên doanh: Công ty Liên doanh 20 Tháng Một Lào.

5.2. Các phòng ban và nhiệm vụ của các phòng ban chuyên môn:

5.1.1. Phòng Tài vụ:

- Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc về mặt quản lý tài chính, hạch toán kế toán trong toàn Công ty;

- Tổ chức và triển khai các quy định của Nhà nước về kế toán thống kê, quản lý các đối tượng tài chính theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế tài chính của Công ty;

- Tổ chức hạch toán nội bộ và phân tích hoạt động kinh tế hàng năm của Công ty;

- Tổ chức lưu trữ toàn bộ chứng từ, sổ sách và biểu kế toán theo quy định hiện hành;

- Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp sử dụng nguồn tiền, vốn một cách hiệu quả để tư vấn cho ban giám đốc.

5.1.2. Phòng Tổ chức- Hành chính:

- Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc triển khai công tác quản lý tiền lương, thu nhập, công tác phát triển nguồn nhân lực, công tác tổ chức cán bộ trong toàn Công ty;

- Tổ chức xây dựng định mức lao động, đơn giá tiền lương; lập và quản lý hồ sơ lao động, hợp đồng lao động của toàn thể CB - CNV trong Công ty;

- Tuyển dụng lao động có chất lượng cao đáp ứng với yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng và nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty. Lập kế hoạch và tổ chức công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho CBCNV, tổ chức nâng bậc, nâng lương hàng năm;

- Lập kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện giải quyết các chế độ, chính sách của nhà nước và Công ty có liên quan đến người lao động;

- Giữ chức năng thường trực Hội đồng kỷ luật, Hội đồng bảo hộ lao động và giám sát công tác PCCN, bảo vệ môi trường của Công ty;

- Xây dựng và giám sát thực hiện các Nội quy, quy chế của Công ty đảm bảo đáp ứng với thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành;

- Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc bảo vệ tài sản, giữ gìn an ninh trật tự trong toàn Công ty. Thực hiện công tác phòng chống lụt bão, PCCN của Công ty;

- Thực hiện nghiệp vụ hành chính, quản lý đất đai, nhà xưởng, phương tiện vận tải và cung cấp thiết bị văn phòng toàn Công ty;

- Thực hiện công tác quốc phòng, chính sách hậu phương quân đội và luật nghĩa vụ quân sự, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên;

- Thường trực Công ty trong công tác đền ơn đáp nghĩa và hoạt động từ thiện của Công ty;

- Tổ chức và triển khai thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu cho CBCNV, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, giới thiệu lên tuyến trên khám và điều trị cho CBCNV theo chế độ của nhà nước;

- Phụ trách theo dõi công tác thuê và cho kho bãi.

5.1.3. Phòng Kỹ thuật- Chất lượng:

- Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc theo dõi, triển khai kế hoạch sản xuất;

- Thực hiện các công việc liên quan đến công tác xuất nhập khẩu;

- Thực hiện triển khai nhận và giao gia công đối với các đối tác bên ngoài.
- Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý vật tư, nguyên nhiên liệu, thành phẩm và bán thành phẩm trong toàn Công ty;
- Thường xuyên theo dõi nắm vững pháp luật, chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước về xuất nhập khẩu để tiến hành mua vật tư và xuất các sản phẩm đảm bảo đạt hiệu quả kinh tế;
- Xây dựng kế hoạch cân đối nhu cầu vật tư, nguyên, nhiên vật liệu, bảo đảm cung ứng, cấp phát, hạch toán kịp thời đúng tiến độ theo yêu cầu kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm và hợp lý hoá sản xuất.
- Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong công tác quản lý kỹ thuật, quản lý máy móc, thiết bị và định hướng phát triển khoa học, kỹ thuật trước mắt cũng như lâu dài của Công ty;
- Tổ chức nghiên cứu thiết kế, chế thử sản phẩm mới theo kế hoạch của Công ty và khách hàng; thực hiện công tác điều độ sản xuất của Công ty;
- Tổ chức triển khai đề tài, dự án, sáng kiến cải tiến kỹ thuật và ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất;
- Quản lý máy móc, thiết bị toàn Công ty và lập kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng theo định kỳ và đột xuất; lập các hướng dẫn công việc và quy trình về sử dụng thiết bị đảm bảo an toàn và hiệu quả;
- Tổ chức giám định các thiết bị có yêu cầu quản lý nghiêm ngặt;
- Triển khai công tác thi tay nghề và nâng bậc của công nhân;
- Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong công tác quản lý chất lượng sản phẩm của toàn Công ty;
- Thường trực công tác ISO toàn Công ty;
- Tổ chức, thực hiện công tác kiểm tra chất lượng vật tư, bán thành phẩm đầu vào, các chi tiết sản phẩm, thành phẩm trong quá trình sản xuất;
- Xác định và thực hiện việc kiểm tra chất lượng sản phẩm tại các phân xưởng;
- Phân tích và tổng hợp kết quả kiểm tra, xử lý các dữ liệu thông tin trong quá trình sản xuất có liên quan đến chất lượng sản phẩm;
- Tham gia tổ chức và trực tiếp tham gia các đợt đánh giá hệ thống quản lý chất lượng do Công ty hoặc các đơn vị ngoài Công ty thực hiện;

- Theo dõi và đề xuất những thay đổi trong hệ thống quản lý chất lượng, trình lãnh đạo xem xét. Tham gia giúp lãnh đạo Công ty về nội dung và chương trình cho buổi họp định kỳ xem xét của lãnh đạo về HTQLCL của Công ty;

- Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm và hợp lý hoá sản xuất.

- Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm và hợp lý hoá sản xuất.

5.1.4. Phòng Kinh doanh:

- Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong lĩnh vực định hướng và phát triển kế hoạch sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, phát triển thị trường, điều độ sản xuất đảm bảo hiệu quả kinh tế; trước mắt cũng như lâu dài;

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc ký kết các hợp đồng kinh tế trong lĩnh vực tiêu thụ sản phẩm, đánh giá, lựa chọn nhà cung ứng nguyên liệu;

- Tổ chức theo dõi thực hiện việc vận chuyển thành phẩm nhằm đảm bảo cung cấp cho khách hàng những sản phẩm đạt yêu cầu chất lượng cao;

- Quản lý, sử dụng hoá đơn tự in của Công ty theo đúng hướng dẫn của cơ quan thuế và quy định của Công ty;

- Tổ chức, theo dõi và thực hiện công tác tiêu thụ sản phẩm. Tìm hiểu thị hiếu, nhu cầu khách hàng để đưa ra các kế hoạch sản xuất, chiến lược thu hút khách hàng và mở rộng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm.

5.1.5. Phòng Đầu tư:

- Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong lĩnh vực định hướng và phát triển kế hoạch đầu tư, phát triển sản xuất trước mắt cũng như lâu dài;

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc ký kết các hợp đồng trong lĩnh vực đầu tư mới;

- Tổ chức theo dõi thực hiện việc triển khai các dự án đầu tư của Công ty đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

5.1.6. Nhà máy Dệt Hà Nam:

- Thực hiện sản xuất vải theo kế hoạch của Công ty đảm bảo đủ số lượng, đúng chất lượng và khuyến khích vượt mức kế hoạch đề ra;

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan trong Công ty để quản lý sản xuất, quản lý lao động, quản lý máy móc thiết bị, ... tại Công ty;

- Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm và hợp lý hoá sản xuất.

5.1.7. Nhà máy Dệt Hà Nội:

- Thực hiện sản xuất các sản phẩm vải theo kế hoạch của Công ty đảm bảo đủ số lượng, đúng chất lượng và khuyến khích vượt mức kế hoạch đề ra;
- Phối hợp với các đơn vị có liên quan trong Công ty để quản lý sản xuất, quản lý lao động, quản lý máy móc thiết bị ,... tại Công ty;
- Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm và hợp lý hoá sản xuất.

5.1.8. Nhà máy sợi Hà Nam:

- Thực hiện sản xuất các sản phẩm sợi theo kế hoạch của Công ty đảm bảo đủ số lượng, đúng chất lượng và khuyến khích vượt mức kế hoạch đề ra;
- Phối hợp với các đơn vị có liên quan trong Công ty để quản lý sản xuất, quản lý lao động, quản lý máy móc thiết bị ,... tại Công ty;
- Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm và hợp lý hoá sản xuất.

5.1.9. Bộ phận kinh doanh khác:

- Thực hiện các hoạt động kinh doanh khác ngoài sản phẩm bông, vải, sợi và hàng may mặc và trong ngành nghề của Công ty.
- Phối hợp với các bộ phận, đơn vị, cá nhân có liên quan trong Công ty để quản lý kinh doanh, lao động, máy móc thiết bị ,... tại Công ty;
- Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng và hợp lý hoá hoạt động kinh doanh.

5.3. Kế hoạch tổ chức nhân sự và tiền lương:

5.3.1. Định hướng:

- Sau khi cổ phần hóa, trong năm đầu tiên, Công ty vẫn giữ bộ máy quản lý hiện có để ổn định tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh. Từ năm thứ hai trở đi, Công ty sẽ tiến hành rà soát lại bộ máy nhân sự của Công ty Cổ phần nhằm tổ chức kiện toàn hệ thống quản lý, điều hành và sản xuất kinh doanh cho phù hợp với mô hình mới.
- Phối hợp đồng bộ từ Công ty đến các phòng ban, nhà máy, bộ phận trực thuộc để tinh giản bộ phận hành chính, giảm các chi phí không cần thiết, nâng cao năng suất lao động, tăng khả năng cạnh tranh.
- Xây dựng và hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng ban và các nhà máy sản xuất.
- Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho CB-CNV đồng thời tuyển dụng thêm cán bộ, công nhân có trình độ, có năng lực, nhiệt tình công tác để bổ sung khi cần thiết.

- Nâng cao chất lượng lao động, xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân giỏi chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra như: nghiên cứu định hướng chiến lược; mở rộng thị trường; nâng cao chất lượng và đa dạng sản phẩm; thực hiện các giải pháp đầu tư chiều sâu đổi mới công nghệ phục vụ phát triển trong tương lai,... Thường xuyên rèn luyện và nâng cao tay nghề cho công nhân, xây dựng đội ngũ công nhân lành nghề, thành thạo trong sản xuất và có nhiều cải tiến hợp lý hóa, nâng cao hiệu quả trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.3.2. Về lao động:

- Tổng số lao động dự kiến cần: 400 người.

Bảng số 9: Kế hoạch sắp xếp lao động

STT	Nội dung	Tổng số (người)
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	340
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	01
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	107
3	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	202
4	Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc một số công việc nhất định dưới 12 tháng	30
II	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	0
<i>1</i>	<i>Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành</i>	<i>0</i>
a	Theo Nghị định 152/2006/NĐ-CP	0
b	Theo Nghị định 91/2010/NĐ-CP	0
<i>2</i>	<i>Số lao động sẽ chấm dứt HĐLĐ, chia ra:</i>	<i>0</i>
a	Hết hạn HĐLĐ	0
b	Đơn phương chấm dứt HĐLĐ	0
<i>3</i>	<i>Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, chia ra:</i>	<i>0</i>
a	Số lao động thực hiện theo Nghị định 91/2010/NĐ-CP	0
b	Số lao động thực hiện theo Bộ luật Lao động	0
III	Số lao động dự kiến sẽ làm việc tại Công ty cổ phần	400
<i>1</i>	<i>Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần</i>	<i>340</i>
a	Số lao động mà HĐLĐ còn thời hạn	335
b	Số lao động nghỉ theo chế độ BHXH, chia ra:	05

	<i>Ôm đau</i>	0
	<i>Thai sản</i>	05
	<i>Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp</i>	0
c	Số lao động đang tạm hoãn HĐLĐ, chia ra:	0
	<i>Nghĩa vụ quân sự</i>	0
	<i>Nghĩa vụ công dân khác</i>	0
	<i>Bị tạm giam, tạm giữ</i>	0
	<i>Do hai bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)</i>	0
2	Số lao động dự kiến sẽ tuyển mới	60

5.3.3. Về chính sách tiền lương:

- Tiền lương phải trở thành động lực mạnh mẽ nhất kích thích người lao động thực hiện đúng nội quy và kỷ luật lao động, tăng năng suất, cải tiến kỹ thuật và luôn gắn bó, cống hiến cho Công ty.

- Đảm bảo tiền lương cao hơn so với tiền lương bình quân của xã hội cho người lao động trực tiếp. Bên cạnh đó có mức lương phù hợp cho cán bộ, cho người lao động có nghiệp vụ, tay nghề cao mà Công ty tuyển chọn, cụ thể là: thực hiện quy chế trả lương cao và thưởng hợp lý cho một số lao động có trình độ và năng lực đặc biệt trong quản lý kỹ thuật và kinh tế, có đóng góp mang tính quyết định đến sự phát triển, đem lại hiệu quả cao trong kinh doanh của Công ty.

- Chú trọng đến điều kiện sinh hoạt và làm việc của cán bộ quản lý, người lao động có kỹ thuật tay nghề cao, tạo điều kiện để họ và gia đình gắn bó lâu dài với Công ty, thu hút lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty.

6. Kế hoạch đầu tư nhằm cân đối và phát huy tối đa năng lực sản xuất hiện có giai đoạn 2016-2018:

Bản số 10: Tổng hợp MMTB và vốn đầu tư mới sau cổ phần hóa:

TT	Năm	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Cộng	
		Số lượng	Tiền (tỷ đ)	Số lượng	Tiền (tỷ đ)	Số lượng	Tiền (tỷ đ)	Số lượng	Tiền (tỷ đ)
1	Dây chuyền sợi	01 Hệ thống	190	0	0	0	0	01 Hệ thống	190
2	Dây chuyền dệt	0	0	01 Hệ thống	100	0	0	01 Hệ thống	100
	Tổng cộng	01 Hệ thống	190	01 Hệ thống	100	0	0	02 Hệ thống	290

- Tổng vốn đầu tư là 290 tỷ đồng, trong đó vốn tự có chiếm 30% còn lại là vốn vay ngân hàng chiếm 70%.

- Vốn vay đầu tư dài hạn trong vòng 06 năm. Phần chi phí lãi vay sẽ do đầu tư bổ sung hợp lý hóa dây chuyền sẽ tăng thêm 30-35% sản lượng sản phẩm khi tiêu thụ sẽ đủ bù đắp chi phí đầu tư. Khi đầu tư mới, công ty sẽ lập dự án đầu

tư và tính toán chi tiết sẽ cho kết quả cụ thể mới quyết định đầu tư toàn bộ hay chọn từng loại máy cần nhất để đầu tư.

7. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần hóa:

Bảng số 11: Một số chỉ tiêu cơ bản sau cổ phần hóa

TT	Năm thực hiện	ĐVT	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
	Chỉ tiêu		Giá trị	% /2015	Giá trị	% /2016	Giá trị	% /2017
1	Doanh thu thuần	tỷ đ	500	101	550	110	600	109
2	Tổng chi phí hoạt động	tỷ đ	491	125	538	119	585	120
3	Số lao động	người	400	125	450	111	500	110
4	Thu nhập người lao động/tháng	Triệu đ/ng/th	6	109	6,5	108	7,5	115
5	Tổng số nộp ngân sách	tỷ đ	14	116	16	114	18	112
6	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đ	9	128	12	133	15	125
7	Tỷ lệ cổ tức	%	6	150	8	133	10	125
8	Đầu tư mới		190		100			
9	Vốn KD		250	100	300	120	320	107

(Lưu ý: Tỷ lệ cổ tức sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định sau mỗi kỳ Đại hội và dựa trên cơ sở thực tế tại thời điểm Đại hội được triệu tập và sẽ quyết định sau).

8. Kế hoạch sử dụng đất sau khi cổ phần hóa:

Bảng số 15: Kế hoạch sử dụng đất sau cổ phần hóa

TT	Vị trí	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng	Mục đích sử dụng	Hồ sơ pháp lý
1	Số 89 Lĩnh Nam, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội	8.415,7	Thuê đất trả tiền hàng năm	Tạm thời quản lý, sử dụng làm trụ sở làm việc, cơ sở sản xuất, kinh doanh và Chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư khu trung tâm thương mại, văn phòng và nhà ở, đồng thời di dời cơ sở sản xuất kinh doanh	Quyết định số 521/QĐ - UB ngày 28/01/1993 của UBND Thành phố Hà Nội và Hợp đồng thuê đất số 02-245.02/ĐC - ND-HĐTĐ ngày 19/6/2002

				ra ngoài thành theo quy hoạch	
2	Thôn Văn, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội				
2.1	Thửa thứ nhất	12.756,7	Thuê đất trả tiền hàng năm	Cơ sở sản xuất, kinh doanh	Quyết định số 521/QĐ-UB ngày 28/01/1993 của UBND thành phố Hà Nội và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 666151 do Sở TN&MT Hà Nội cấp ngày 10/12/2012
2.2	Thửa thứ hai	1.756,4	Tạm giao quản lý, sử dụng, chống lấn chiếm	Bàn giao cho Thành phố theo quy định khi nhà nước thực hiện dự án mở đường theo quy hoạch	
3	Khu Công nghiệp Đồng Văn, xã Duy Minh, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	60.759,0	Thuê đất trả tiền hàng năm	Cơ sở sản xuất, kinh doanh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 579598 do UBND Tỉnh Hà Nam cấp ngày 12/9/2005 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB229056 do Sở TN&MT Tỉnh Hà Nam cấp ngày 20/5/2010

9. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty sau khi cổ phần hóa:

9.1. Phát triển nguồn nhân lực:

Nhân tố con người quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Vì vậy, sau khi cổ phần hóa, Công ty phải có chính sách cũng như Quy chế minh bạch, rõ ràng đối với việc tuyển dụng, sử dụng, sắp xếp bố trí nhân sự, lao động một cách khoa học, thực tế và hiệu quả. Cụ thể như sau:

- Tiếp tục duy trì việc phân công, bố trí việc làm phù hợp và thuận lợi đối với sức khỏe, năng lực người lao động trong Công ty.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo và đào tạo lại, tuyển dụng lao động căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty.

- Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý có đủ năng lực, trình độ chuyên môn để đáp ứng được yêu cầu của Công ty cổ phần.

- Sắp xếp, tinh giản lại nhân sự các phòng ban, phân xưởng theo hướng gọn nhẹ, giảm biên chế và giữ lại người lao động tinh thông nghề nghiệp.

- Cải thiện chế độ trả lương để tạo động lực thúc đẩy người lao động tăng năng suất lao động và hiệu quả công việc.

- Có chế độ đãi ngộ hợp lý đối với những lao động có năng lực quản lý và tay nghề cao có nhiều cải tiến trong sản xuất mang lại lợi ích cho Công ty.

- Tạo mọi điều kiện để người lao động trong Công ty đều được mua cổ phần của Công ty.

- Đảm bảo tốt điều kiện và môi trường làm việc, an toàn lao động cho CB-CNV trong Công ty.

9.2. Nâng cao năng lực quản lý:

- Sau khi cổ phần hóa, Ban lãnh đạo Công ty sẽ tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ về mọi mặt để đảm bảo rằng mọi kế hoạch đã được đưa ra và thông qua phải được thực hiện một cách nghiêm túc, có chất lượng. Điều này nhằm nâng cao tính kỷ luật trong quản lý, nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của người quản lý và tính hiệu quả khi giải quyết công việc.

- Công tác tổ chức nhân sự, khen thưởng, kỷ luật,... phải được thực hiện một cách chặt chẽ, công khai, minh bạch để phát huy tính chủ động, sáng tạo của người lao động, đồng thời duy trì tính kỷ luật, tính tự giác của người lao động, chống thất thoát tài sản, vật tư, hư hỏng máy móc, thiết bị và công cụ lao động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và kinh doanh.

- Người đứng đầu các đơn vị phòng ban, phân xưởng là người chịu trách nhiệm toàn bộ về việc hoàn thành nhiệm vụ của phòng ban, nhà máy trước Ban Giám đốc.

9.2.1 Công tác quản trị và điều hành:

Tổ chức quản lý, kiểm soát mọi hoạt động của Công ty tập trung về bộ máy điều hành gọn nhẹ hiệu quả thông qua việc xây dựng mô hình quản lý, điều hành điện tử (sử dụng mạng nội bộ và các phần mềm quản lý).

Ứng dụng các tiến bộ của công nghệ thông tin, đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý như: nhân sự, tiền lương, quản lý dự án, quản lý khách hàng, quản lý tồn kho vật tư thiết bị, kế toán....

Kiên toàn và sắp xếp nhân sự toàn công ty hoạt động theo cơ chế cổ phần hoá. Xây dựng kế hoạch phát triển nhân sự cho kế hoạch mỗi năm.

Hạn chế tối đa lực lượng lao động gián tiếp, sắp xếp lại và chuyển lực lượng gián tiếp dư thừa sang lực lượng trực tiếp tham gia sản xuất kinh doanh. Khống chế tỷ lệ lao động gián tiếp/ trực tiếp hằng năm ở mức 10%.

Xây dựng các chức danh phù hợp với phạm vi công việc rõ ràng cho mọi thành phần nhân lực trong Công ty. Các chức danh có chính sách đào tạo được chi tiết theo các vị trí đã quy hoạch và theo nhu cầu mở rộng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh hằng năm của Công ty.

Quan tâm thu hút nguồn nhân lực ngoài Công ty có năng lực, kinh nghiệm và phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty. Áp dụng các chính sách ưu đãi đặc biệt cho từng trường hợp cụ thể.

9.2.2 Giải pháp phát triển thị trường, phát triển thương hiệu:

Đẩy mạnh hoạt động Marketing, phát triển thương hiệu thông qua các sự kiện thương mại ngành, đặc biệt chú trọng phát triển đa dạng mẫu mã đi đôi với chất lượng ổn định.

Củng cố, tăng cường và mở rộng quan hệ với các đơn vị trong ngành. Xây dựng hệ thống xếp loại khách hàng để có chính sách khách hàng hợp lý cho từng đối tượng khách hàng. Tích cực đàm phán, xử lý các vấn đề liên quan và theo dõi sát sao tiến độ triển khai của các dự án trong ngành để thực hiện việc cung cấp các sản phẩm, nguyên liệu.

Đẩy mạnh phát triển hệ thống bán lẻ, bán hàng qua siêu thị, bán hàng online ... nhằm quảng bá thương hiệu và ổn định sản xuất.

Xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật giỏi chuyên nghiên cứu các sản phẩm mới đáp ứng tiến bộ khoa học kỹ thuật để cung cấp cho thị trường. Luôn áp dụng các tiến bộ khoa học mới nhất của ngành nhằm nâng cao chất lượng, giảm chi phí trong sản xuất.

9.2.3 Giải pháp về văn hoá và chính sách nhân viên:

Xây dựng và thực hiện thành công văn hoá Hatexco trên tinh thần thân thiện, chia sẻ và nhân văn.

Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV thông qua chính sách lương, thưởng công bằng, công khai, minh bạch, gắn với hiệu quả và chất lượng làm việc nhằm tạo động lực để CBCNV phát huy sáng tạo trong công việc.

Thường xuyên tổ chức các phong trào văn nghệ, thể thao, giao lưu đáp ứng nhu cầu tinh thần của CBCNV trong Công ty.

9.3. Nâng cao năng lực tài chính:

Công ty thực hiện các biện pháp huy động vốn để tập trung cho các dự án, các chương trình đầu tư cho sản xuất kinh doanh đảm bảo an toàn, hiệu quả.

Công tác tài chính, kế toán và kế hoạch sản xuất kinh doanh phải được tiến hành đồng bộ, chặt chẽ và bám sát thực tế.

PHẦN THỨ BA TỔ CHỨC VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Trên cơ sở Phương án hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 03 năm sau cổ phần hóa (2016-2018), Công ty tổ chức thực hiện theo tiến độ như sau:

1. Năm 2015, Công ty hoàn tất các thủ tục theo hướng dẫn của các sở ban ngành Thành phố để có quyết định chuyển sang hoạt động của công ty cổ phần.

2. Năm 2016, Công ty tập trung thực hiện phương án sản xuất đã đề ra ở trên theo hướng tập trung phát triển sản xuất sản phẩm truyền thống, rà soát, sắp xếp lại cơ cấu dây chuyền sản xuất, bộ máy quản lý đảm bảo tinh gọn, đồng bộ, phát huy tối đa công suất các công đoạn, đem lại hiệu quả cao nhất cho công ty. Đồng thời, không ngừng nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống người lao động.

3. Từ năm 2017 trở đi, Công ty sẽ triển khai dự án di dời công ty ra khỏi Thành phố để thực hiện quy hoạch của Thành phố và đảm bảo sự phát triển bền vững lâu dài cho công ty. Dự kiến di dời của công ty đến Khu Công nghiệp Đồng Văn, xã Duy Minh, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Công ty sẽ tiến hành lập phương án và thực hiện các bước di dời Công ty đến địa điểm mới theo quy định của Chính phủ và Thành phố.

Trên đây là phương án sản xuất kinh doanh sau 03 năm cổ phần hóa công ty xây dựng nhằm thực hiện phát triển và giữ gìn thương hiệu Hatexco của công ty và thực hiện đúng chủ trương của Đảng, Nhà nước và tiến độ cổ phần hóa của Thành phố Hà Nội.

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2015
TỔNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Văn Minh